**TRƯỜNG THCS PHAN CÔNG HỚN**

 **TỔ NGỮ VĂN**

**MÔN NGỮ VĂN, KHỐI 7**

**Bài 6:**

**HÀNH TRÌNH TRI THỨC**

**( Nghị luận xã hội)**

**TRI THỨC NGỮ VĂN**

**\*Nghị luận xã hội**

**1. Khái niệm**

Văn bản nghị luận về 1 vấn đề đời sống (nghị luận xã hội) được viết ra để bàn về một sự việc, hiện tượng có ý nghĩa đối với xã hội, hay một vấn đề thuộc lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống của con người.

**2. Đặc điểm**

Văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống có những đặc điểm sau:

– Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối của người viết đối với hiện tượng, vấn đề cần bàn luận.

– Trình bày những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu liên quan đến vấn đề cần bàn luận.

– Ý kiến lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí.

….…………………………………………………………………..

 **Bài 6**

 **VĂN BẢN 1 : TỰ HỌC – MỘT THÚ VUI BỔ ÍCH**

 **- Nguyễn Hiến Lê -**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc, chú thích: Xem SGK/Tr 8**

**2. Tác giả:**

+ Nguyễn Hiến Lê (1912 – 1984)

+ Quê : Sơn Tây (Ba Vì – Hà Nội)

+ Ông là một tác giả, dịch giả, nhà giáo dục, nhà văn hoá với nhiều tác phẩm sáng tác, biên soạn, dịch thuật nhiều lĩnh vực khác nhau.

**3. Tác phẩm:**

+ Trích từ tác phẩm Tự học – một nhu cầu thời đại

+ Thể loại: văn nghị luận

+ PTBĐ: nghị luận

+ Bố cục: 2 phần

. Nêu vấn đề: Từ đầu -> …một cái thú.

. Giải quyết vấn đề: Còn lại

**II. Suy ngẫm và phản hồi:**

**1. Tìm hiểu mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản**

**a. Ý kiến 1: Thú tự học giống thú đi bộ**

- Lí lẽ: Tự học giúp người học hình thành tri thưc một cách tự chủ, tự do

- Dẫn chứng: Biết được viên Dạ Minh Châu, khúc Nghệ thường vũ y, kiến thức về côn trùng…

**b. Ý kiến 2: Thú tự học là phương thuốc chữa bệnh âu sầu**

- Lí lẽ: Việc đọc sách giúp ta cảm thấy đồng cảm, an ủi

- Bằng chứng: Bệnh nhân biết đọc sách mau lành bệnh hơn, quá trình đọc sách của Mon-ti Mông-te-xki-ơ

**c. Ý kiến 3: Tự học là thú vui tao nhã giúp nâng tầm tâm hồn ta lên**

- Lí lẽ: Tự học giúp ta tiến bộ, có thể cống hiến cho xã hội

- Bằng chứng:

+ Thầy kí, bác nông phu nhờ tự học mà giỏi nghề

+ Những tấm gương nhà khoa học tự học…

**2. Tìm hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống, mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó**

Câu 1: Văn bản tự học- một thú vui bổ ích được viết ra để thuyết phục người đọc về lợi ích của việc tự học

Câu 3:

- Các bằng chứng

+ Bằng chứng thứ nhất về thầy kí, bác nông phu là những nhân vật tiêu biểu, quen thuộc trong đời sống, khẳng định một điều đúng đắn rằng dù bất kì ai, chỉ cần tìm tòi, học tập thì sẽ tiến bộ và có thể cống hiến cho xã hội

+ Bằng chứng thứ hai là về các nhà khoa học nổi tiếng có sức ảnh hưởng và quá trình tự học của họ.

- Tác dụng: Đặc điểm chung của hai bằng chứng này là: nhiều người biết, đáng tin cậy, được số đông thừa nhận. Chính vì thế, đây là những bằng chứng đáng tin cậy, có tác dụng làm cho rõ ý kiến của người viết, dễ dàng được người đọc tin tưởng, tiếp nhận, nhờ đó đã thực hiện được mục đích của văn bản là thuyết phục người đọc về những lợi ích của việc tự học.

Câu 4: Dấu hiệu nhận viết văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống:

- Thể hiện rõ ý kiến khen, chê, đồng tình, phản đối với các hiện tượng, vấn đề cần bàn luận: tác giả đồng tình, đề cao việc tự học “tự học là một cái thú”

- Trình bày được những lí lẽ, bằng chứng để thuyết phục người đọc, người nghe (trả lời dựa theo phần 1)

- Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng được sắp xếp theo trình tự hợp lí: qua các từ *trước hết, hơn nữa, quan trọng hơn cả* cho thấy các ý kiến được sắp xếp theo trình tự tăng dần mức độ cần thiết, quan trọng của vấn đề

**3. Liên hệ, so sánh, kết nối**

Tự học không phải là không cần sự trợ giúp của ai mà là người học chủ động, tự giác trong việc học của mình, biết lên kế hoạch học tập. chủ động tìm kiếm tri thức và biết tìm sự trợ giúp khi cần thiết để việc học được hiệu quả

**4. Khái quát đặc điểm thể loại (SGK tr 5)**

**III. Tổng kết**:

**II. Tổng kết**

**1. Nội dung:**

- VB bàn về lợi ích của tự học từ đó định hướng cho học sinh có tinh thần tự học

**2. Nghệ thuật:**

- Phương thức biểu đạt: nghị luận.

- Các lí lẽ, dẫn chứng rõ ràng, cụ thể.

….…………………………………………………………………………………

|  |
| --- |
| **PHT số 1****VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN****Thú vui tự học**Ý kiến 1…………………..Ý kiến 2……………………Ý kiến 3……………….……….Lí lẽ…………..Dẫn chứng………..Lí lẽ…………..Dẫn chứng………...Lí lẽ……….Dẫn chứng……….. |

|  |
| --- |
|  **Phiếu học tập số 2**Câu hỏi 1 (SGK Tr.8): văn bản trên viết ra nhăm mục đích gì ?Gợi ý: em hãy nhớ lại mục đích của văn bản nghị luận để trả lời câu hỏi nàyVăn bản viết ra nhằm …………… người đọc về …………. đó là ……………………..Câu hỏi 3 (SGK Tr.9): em có nhận xét gì về những bằng chứng tác giả nêu ra trong đoạn trích?Gợi ý: Xác định các bằng chứng được nêu trong đoạn trích …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………=>Các bằng chứng này có tác dụng như thế nào trong việc thực hiện múc đích văn bản?.............................................................................................................................................…………………………………………………………………………………………….Câu hỏi 4 (SGK Tr.9): Những dấu hiệu nào giúp em nhận ra *Tự học – một thú vui bổ ích* là văn bản nghị luận về một vấn đề trong cuộc sống?…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**VĂN BẢN 2: BÀN VỀ ĐỌC SÁCH**

**I. Trải nghiệm cùng văn bản**

**1. Đọc, chú thích: Xem SGK/Tr**

**2. Tác giả:**

- Chu Quang Tiềm (1897-1986), tên khai sinh là Tự Mạnh Thực

- Quê quán: Đông Thành- An Huy-Trung Quốc

- Ông là nhà mĩ học và lí luận học nổi tiếng của Trung Quốc

 **b. Tác phẩm**

- Xuất xứ: In trong “Danh nhân Trung Quốc bàn về niềm vui nỗi buồn của việc đọc sách”

- Thể loại: văn nghị luận

- PTBĐ: nghị luận

- Bố cục: 3 phần

+ Từ đầu … “làm kẻ lạc hậu”: Tầm quan trọng, ý nghĩa của việc đọc sách

+ Tiếp … “Những cuốn sách cơ bản”: Các khó khăn, thiên hướng sai lệch khi đọc sách

+ Còn lại: Phương pháp đọc sách

**II. Suy ngẫm và phản hồi**

**1. Tìm hiểu mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng trong văn bản**

**VẤN ĐỀ CẦN BÀN LUẬN:**

**ĐỌC SÁCH**

**Lí lẽ:** Các thành quả của nhân loại đã được tích luỹ từ lâu, nếu không tiếp thu ta sẽ bị tụt hậu.

**Bằng chứng:** Học vấn, tri thức của nhân loại đều được lưu trữ trong sách vở, lưu truyền lại để không bị vùi lấp đi.

**Lí lẽ 1:** Sách nhiều khiến người ta đọc không chuyên sâu.

**Bằng chứng:** Cách học hiệu quả của người xưa và cách học không hiệu quả, không đọng lại gì.

**Lí lẽ 2:** Sách nhiều dễ khiến người ta lạc hướng.

**Bằng chứng:** Cách đọc tham số lượng mà không vì thực chất.

**Ý kiến 3:**

Đọc sách cốt không lấy nhiều quan trọng nhất là phải chọn cho tinh, đọc cho kĩ.

**Lí lẽ:** Nghiền ngẫm, đọc kĩ sẽ phát triển tư duy, hình thành phẩm chất.

**Bằng chứng:** Lời răn của người xưa trong việc đọc sách; cách đọc sách qua loa để trang trí cho bản thân.

**Ý kiến 1:**

Đọc sách là con đường quan trọng của học vấn.

**Ý kiến 2:**

Lịch sử càng phát triển, di sản tinh thần của nhân loại càng phong phú thì việc đọc sách cảng không dễ.

**2. Tìm hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống; mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó**

- Văn bản Bàn về đọc sách được viết nhằm mục đích thuyết phục người đọc 2 vấn đề:

+ Tầm quan trọng của việc đọc sách.

+ Sự cần thiết của việc đọc sâu, nghiền ngẫm kĩ khi đọc.

- Ở đoạn văn thứ hai, việc tác giả sắp xếp theo trình tự “một là…”, “hai là…” nhằm giúp người đọc dễ dàng nhận ra các lí lẽ, điều này giúp tăng sức thuyết phục cho quan điểm của người viết về vấn đề đọc sách.

**3. Liên hệ, vận dụng, sáng tạo**

 Vấn đề mà văn bản đề cập là tầm quan trọng của việc đọc sâu, đọc kĩ; tuy vậy, để tích lũy tri thức, số lượng sách và tốc độ đọc cũng rất quan trọng, đề có thể tích những tri thức cần thiết nhằm giải quyết những vấn đề trong đời sống. Do đó, bên cạnh việc đọc sâu, đọc kĩ, người đọc cần trang bị những kĩ năng đọc nhanh, đọc lướt, xác định mục tiêu đọc và có cách đọc phù hợp ( đọc để nắm bắt thông tin khác với đọc để nghiên cứu, đọc để giải trí khác với đọc để nghiền ngẫm,…)

**4. Khái quát đặc điểm thể loại và rút ra kinh nghiệm đọc**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **Văn bản nghị luận về một vấn đề trong đời sống** | **Văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học** |
| **Giống** | **-** Thuộc thể văn nghị luận, viết ra nhằm thuyết phục người đọc về ý kiến, quan điểm của người viết- Có yếu tố cơ bản là ý kiến, lí lẽ, bằng chứng. Lí lẽ và bằng chứng cần thuyết phục, làm sáng tỏ ý kiến và sắp xếp theo trình tự hợp lí |
| **Khác**  | **Đề tài** | Về lĩnh vực đời sống: hiện tượng đời sống; tư tưởng đạo lí | Đề tài văn học: những khía cạnh về nội dung và hình thức của tác phẩm văn học |
| **Lí lẽ, bằng chứng** | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh vấn đề đời sống. Lí lẽ là những kiến giải của người viết về vấn đề trong đời sống. Bằng chứng có thể là nhân vật, sự kiện, số liệu… từ đời sống | Ý kiến, lí lẽ, bằng chứng xoay quanh tác phẩm văn học cần phân tích. Lí lẽ là những phân tích, lí giải về tác phẩm. Bằng chứng là những từ ngữ, chi tiết, trích dẫn,…từ tác phẩm để làm sáng tỏ lí lẽ |

**III. Tổng kết**

**1. Nội dung**

- Văn bản Tự học – một thú vui bổ ích đã khẳng định: Tự học mang đến cho ta niềm vui, nó là một thú vui bổ ích, thanh nhã, nâng cao tâm hồn con người.

**2. Nghệ thuật**

- Lập luận chặt chẽ, logic, giàu sức thuyết phục